

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GÒ QUAO
TỈNH KIÊN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 29/2024/DS-ST
Ngày: 18-6-2024
V/v “Tranh chấp hợp đồng
tín dụng”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ QUAO, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Kim Nhập

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Đức Thắng

Bà Nguyễn Thị Hạnh

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Hồng Phúc – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Quao tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Cúc – Kiểm sát viên.

Trong ngày 18 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 83/2023/TLST-DS ngày 29 tháng 5 năm 2023 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 23/2024/QĐXXST-DS, ngày 26 tháng 4 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần S (TMCP) (gọi tắt là S).

Địa chỉ: B - B N, Phường V, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thạch D, chức vụ: Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đường Duy T, chức vụ: Giám đốc Ngân hàng TMCP S – Chi nhánh G (theo Quyết định ủy quyền số 3526/2023/QĐ-PC ngày 25/12/2023) (có mặt)

Địa chỉ: Số I Đường C, Khu phố P, Thị trấn G, Huyện G, Tỉnh Kiên Giang

- Bị đơn: Ông Trần Quốc K – sinh năm 1979 (vắng mặt);

Bà Ngô Thị N - sinh năm 1982 (vắng mặt);

Cùng địa chỉ: Ấp A, xã Đ, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 10/3/2023 và tại phiên tòa, nguyên đơn Ngân hàng TMCP S (S) – Người đại diện theo ủy quyền ông Đường Duy T trình bày:

Vào ngày 21/5/2019, giữa Ngân hàng TMCP S Chi nhánh Gò Quao với ông Trần Quốc K, bà Ngô Thị N có ký hợp đồng cho vay số LD1914000439, thời hạn hợp đồng là 3 năm, vay đáo hạn từng lần. Căn cứ theo Hợp đồng cho vay số LD1914000439 ngày 21/05/2019 và Giấy nhận nợ số LD2115900161 ngày 08/06/2021 thì ngân hàng S có cho ông Trần Quốc K, bà Ngô Thị N vay số tiền 100.000.000đ (*Một trăm triệu đồng*); mục đích vay là sản xuất nông nghiệp; thời hạn vay là 12 tháng; ngày giải ngân 08/6/2021; ngày đến hạn 08/6/2022; lãi suất trong hạn 12%/năm, lãi suất cho vay được điều chỉnh 03 tháng một lần và được tính bằng mức lãi suất tiền gửi tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng lãnh lãi cuối kỳ của Ngân hàng TMCP S cộng biên độ 5,2%/năm; lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay. Phương thức thanh toán: Hạn mức (Vốn gốc trả cuối kỳ, lãi trả hàng 6 tháng/lần).

Để đảm bảo cho khoản vay ông Trần Quốc K và bà Ngô Thị N có thể chấp tài sản cho Ngân hàng theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 10201303.2.2 ký ngày 21/05/2019, được đăng ký thế chấp tại Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện G, tỉnh Kiên Giang ngày 21/05/2019. Tài sản thế chấp là: Đất trồng trồng lúa thuộc thửa đất số 373, tờ bản đồ số 5-1, diện tích 1.300 m², đất tọa lạc tại ấp A, xã Đ, huyện G, tỉnh Kiên Giang theo giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BR 162647, sổ vào sổ CH00696 được Ủy ban nhân dân huyện G, tỉnh Kiên Giang cấp ngày 27/08/2014, do ông Trần Quốc K đứng tên. Và đất trồng trồng lúa thuộc thửa đất số 101A, tờ bản đồ số 5-1, diện tích 4.120 m², đất tọa lạc tại ấp A, xã Đ, huyện G, tỉnh Kiên Giang theo giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BR 162748, sổ vào sổ CH00705 được Ủy ban nhân dân huyện G, tỉnh Kiên Giang cấp ngày 03/09/2014, do ông Trần Quốc K đứng tên.

Quá trình thực hiện hợp đồng, ông Trần Quốc K và bà Ngô Thị N có đóng lãi cho Ngân hàng được một kỳ số tiền là 6.016.438 đồng và 4.000.000 đồng tiền nợ gốc, từ đó cho đến nay ông K, bà N không đóng lãi cũng không thanh toán nợ gốc cho ngân hàng.

Qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng ông Trần Quốc K và bà Ngô Thị N vẫn không có thiện chí trả nợ. Ông Trần Quốc K và bà Ngô Thị N vi phạm nghĩa vụ trả nợ, ngày 21/05/2022 Ngân hàng TMCP S đã chuyển toàn bộ số nợ vay của ông Trần Quốc K sang nợ quá hạn. Tính đến ngày 18/6/2024, ông Trần Quốc K và bà Ngô Thị N còn nợ tổng cộng gốc và lãi là: **139.542.675 đồng** (*Một trăm ba mươi chín triệu, năm trăm bốn mươi hai nghìn, sáu trăm bảy mươi lăm đồng*). Trong đó, vốn 96.000.000 đồng, lãi trong hạn 5.391.781 đồng, lãi quá hạn 37.029.699 đồng, lãi phạt: 1.121.195 đồng.

Mặc dù Ngân hàng đã thường xuyên đôn đốc, nhiều lần làm việc trực tiếp với ông Trần Quốc K và bà Ngô Thị N, yêu cầu ông bà có trách nhiệm thanh toán ngay khoản nợ quá hạn, đồng thời Ngân hàng cũng tạo điều kiện về mặt

thời gian để ông Trần Quốc K và bà Ngô Thị N trả nợ. Tuy nhiên, ông Trần Quốc K và bà Ngô Thị N vẫn cố tình không thanh toán nợ cho Ngân hàng. Do đó, ông Trần Quốc K và bà Ngô Thị N đã vi phạm các điều khoản đã qui định tại Hợp đồng cho vay đã ký.

Tại phiên tòa, Ngân hàng TMCP S yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Trần Quốc K và bà Ngô Thị N phải trả ngay cho Ngân hàng TMCP S tổng số tiền tạm tính đến ngày 18/6/2024 tổng cộng gốc và lãi là **139.542.675 đồng** (*Một trăm ba mươi chín triệu, năm trăm bốn mươi hai nghìn, sáu trăm bảy mươi lăm đồng*). Trong đó dư nợ gốc là 96.000.000 đồng, tiền lãi trong hạn là 5.391.781 đồng, tiền lãi quá hạn là 37.029.699 đồng, lãi phạt 1.121.195 đồng và lãi phát sinh cho đến khi thanh toán hết nợ. Trường hợp, ông Trần Quốc K và bà Ngô Thị N không trả nợ hoặc trả không đầy đủ thì ngân hàng có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền kê biên, phát mãi tài sản thế chấp nêu trên để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật.

Đối với bị đơn ông Trần Quốc K và bà Ngô Thị N đã được Tòa án tổng đạt đầy đủ các văn bản tố tụng theo đúng quy định của pháp luật nhưng ông K, bà N không có mặt cũng không cung cấp bản tự khai cho Tòa án nên Tòa án không thể ghi nhận ý kiến hay bất cứ yêu cầu nào của ông bà.

Đại diện Viện Kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Tòa án xác định quan hệ pháp luật là “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” là đúng quy định và thuộc thẩm quyền giải quyết. Từ khi thụ lý đến khi xét xử, Thẩm phán đã thực hiện các bước tiến hành tố tụng đúng theo quy định, tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm. Tuy nhiên, còn vi phạm thời gian chuẩn bị xét xử, cần rút kinh nghiệm. Riêng đối với bị đơn không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX áp dụng các Điều 463, 466 và 470 Bộ luật dân sự 2015, khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng 2010 và Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP S buộc ông Trần Quốc K và bà Ngô Thị N phải trả cho ngân hàng số tiền **139.542.675 đồng** (*Một trăm ba mươi chín triệu, năm trăm bốn mươi hai nghìn, sáu trăm bảy mươi lăm đồng*). Trong đó dư nợ gốc là 96.000.000 đồng, tiền lãi trong hạn là 5.391.781 đồng, tiền lãi quá hạn là 37.029.699 đồng, lãi phạt 1.121.195 đồng và lãi phát sinh cho đến khi thanh toán dứt nợ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng và quan hệ pháp luật: Cho rằng quyền và lợi ích hợp pháp của mình bị xâm hại nên Ngân hàng TMCP S khởi kiện ông Trần Quốc K và bà Ngô Thị N về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” được Tòa án thụ lý,

giải quyết là đúng thẩm quyền được quy định tại khoản 3 Điều 26 và Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015. Bị đơn không có yêu cầu phản tố.

Ông Trần Quốc K, bà Ngô Thị N với tư cách là bị đơn trong vụ án đã được Tòa án triệu tập xét xử hợp lệ lần thứ 2 nhưng vắng mặt không có lý do, không vì sự kiện bất khả kháng nên căn cứ Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án vẫn được xét xử theo quy định.

[2] Về nội dung: Vào ngày 21/5/2019, giữa Ngân hàng TMCP S với ông Trần Quốc K, bà Ngô Thị N có ký kết Hợp đồng cho vay số LD1914000439 ngày 21/05/2019, thời hạn hợp đồng là 3 năm, vay đáo hạn từng lần. Theo đó, Ngân hàng TMCP S cho ông Trần Quốc K, bà Ngô Thị N vay số tiền 100.000.000đ (*Một trăm triệu đồng*), mục đích vay là sản xuất nông nghiệp; thời hạn vay là 12 tháng; ngày giải ngân 08/6/2021; ngày đến hạn 08/6/2022; lãi suất 12%/năm; lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, ông K, bà N đã nhận đủ tiền vay, từ ngày vay đến ngày 08/12/2021 ông bà có đóng lãi cho Ngân hàng được số tiền 6.016.438đ và 4.000.000đ tiền nợ gốc, từ ngày 09/12/2021 đến nay không đóng lãi và trả nợ gốc cho Ngân hàng theo thỏa thuận đã nêu trong hợp đồng. Ngân hàng có đến nhắc nhở nhiều lần nhưng ông K, bà N chỉ hứa hẹn mà không thanh toán nợ. Việc ông K, bà N không thực hiện nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi theo giao kết trong hợp đồng là đã vi phạm Điều 2 của Hợp đồng cho vay số LD1914000439 ngày 21/05/2019 mà các bên đã ký kết nên Ngân hàng TMCP S khởi kiện yêu cầu ông K, bà N thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho ngân hàng. Xét, Hợp đồng Hợp đồng cho vay số LD1914000439 ngày 21/05/2019 giữa các bên được ký kết trên cơ sở tự nguyện, phù hợp quy định pháp luật nên phát sinh hiệu lực thi hành.

[3] Xét yêu cầu của Ngân hàng TMCP S buộc ông Trần Quốc K, bà Ngô Thị N phải trả số nợ tính đến ngày 18/6/2024 là **139.542.675 đồng** (*Một trăm ba mươi chín triệu, năm trăm bốn mươi hai nghìn, sáu trăm bảy mươi lăm đồng*). Trong đó dư nợ gốc là 96.000.000 đồng, tiền lãi trong hạn là 5.391.781 đồng, tiền lãi quá hạn là 37.029.699 đồng, lãi phạt 1.121.195 đồng và lãi phát sinh từ kể từ ngày 19/6/2024 cho tới khi thanh toán xong khoản nợ. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần tổng đạt và thông báo hợp lệ các văn bản tố tụng trong đó có 02 lần tổng đạt Thông báo mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, tiến hành mở phiên họp vào ngày 28/02/2024 và ngày 26/3/2024 để tạo điều kiện cho các bên đương sự hòa giải, thỏa thuận với nhau nhưng ông K, bà N đều không có mặt nên Tòa án không tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải được. Hơn nữa, ông K, bà N cũng không gửi bất cứ văn bản nào thể hiện ý kiến và yêu cầu của mình đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP S cho Tòa án. Tính đến hết ngày 18/6/2024, ông Trần Quốc K, bà Ngô Thị N còn nợ ngân hàng tổng số tiền là: **139.542.675 đồng** (*Một trăm ba mươi chín triệu, năm trăm bốn mươi hai nghìn, sáu trăm bảy mươi lăm đồng*). Trong đó dư nợ gốc là 96.000.000 đồng, tiền lãi trong hạn là 5.391.781 đồng, tiền lãi quá hạn là 37.029.699 đồng, lãi phạt 1.121.195 đồng. Như vậy, ông K, bà N vi

phạm nghĩa vụ trả nợ theo quy định tại Điều 466 BLDS 2015 nên cần buộc ông K, bà N có nghĩa vụ thanh toán số nợ gốc cho Ngân hàng TMCP S là phù hợp. Đối với yêu cầu trả số tiền nợ lãi tạm tính đến hết 18/6/2024 của Ngân hàng TMCP S là 43.542.675 (trong đó: lãi trong hạn là 5.391.781 đồng, tiền lãi quá hạn là 37.029.699 đồng, lãi phạt 1.121.195 đồng) và lãi phát sinh từ kể từ ngày 19/6/2024 cho tới khi thanh toán xong khoản nợ. Xét thấy, cách tính tiền lãi của Ngân hàng TMCP S phù hợp với thỏa thuận của hai bên trong Hợp đồng cho vay số LD1914000439 ngày 21/05/2019 cho nên yêu cầu trả lãi này của Ngân hàng TMCP S đối với ông K, bà N là có cơ sở chấp nhận.

[4] Xét Hợp đồng thế chấp tài sản số 10201303.2.2, ngày 21/5/2019 giữa Ngân hàng TMCP S – Chi nhánh G với ông Trần Quốc K, bà Ngô Thị N thấy rằng: Tài sản thế chấp là Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và các tài sản gắn liền với đất có diện tích 1.300m² đất trồng lúa thuộc Thửa số 373, tờ bản đồ số 5-1, đất tọa lạc tại ấp A, xã Đ, huyện G, tỉnh Kiên Giang theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BR 162647 được UBND huyện G cấp ngày 27/8/2014 do ông Trần Quốc K đứng tên và Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và các tài sản gắn liền với đất có diện tích 4.120m² đất trồng lúa thuộc Thửa số 101A, tờ bản đồ số 5-1, đất tọa lạc tại ấp A, xã Đ, huyện G, tỉnh Kiên Giang theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BR 162748 được UBND huyện G cấp ngày 03/9/2014 do ông Trần Quốc K đứng tên được chứng thực tại Ủy Ban nhân dân xã Đ vào ngày 21/5/2019 theo số công chứng 325, quyền số 01, TP/CC-SCC/HĐGD để bảo đảm cho Hợp đồng tín dụng số LD1914000439, ngày 21/5/2019 là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp theo quy định tại các Điều 500, 501, 502, 503 Bộ luật Dân sự 2015 và Điều 167 Luật Đất đai 2013 nên cần duy trì để bảo đảm thi hành án. Như vậy, nếu bị đơn không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ thanh toán khoản nợ nêu trên hoặc không tự nguyện thực hiện nghĩa vụ theo hợp đồng thế chấp đã ký thì ngân hàng có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự kê biên, phát mãi tài sản để thu hồi nợ theo quy định tại các Điều 317, 318, 319, 320, 321, 322, 323 Bộ luật Dân sự.

[5] Về án phí: Ông Trần Quốc K, bà Ngô Thị N phải chịu án phí dân sự có giá ngạch trong tổng số tiền phải trả là 6.977.133đ (**139.542.675 đồng x 5%**), làm tròn là 6.977.000đ do ông bà có lỗi trong vụ kiện này.

Ngân hàng TMCP S được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 463, 466, 470, Điều 500, Điều 501, Điều 502 và Điều 503 Bộ luật Dân sự 2015; khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng 2010; Nghị định 11/2012/NĐ-CP, ngày 22/02/2012 của Chính Phủ về giao dịch đảm bảo; Điều 8 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao; điểm đ khoản 1, Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ

Quốc hội khóa 14 về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP S.

Buộc ông Trần Quốc K, bà Ngô Thị N có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng TMCP S số tiền tính đến ngày 18/6/2024 gốc và lãi tổng cộng là **139.542.675 đồng** (*Một trăm ba mươi chín triệu, năm trăm bốn mươi hai nghìn, sáu trăm bảy mươi lăm đồng*).

Trong đó dư nợ gốc là 96.000.000 đồng, tiền lãi trong hạn là 5.391.781 đồng, tiền lãi quá hạn là 37.029.699 đồng, lãi phạt 1.121.195 đồng và lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong khoản vay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày Ngân hàng TMCP S có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông Trần Quốc K, bà Ngô Thị N chưa thi hành án thì hàng tháng còn phải chịu lãi từ ngày 19/6/2024 theo mức lãi suất quá hạn trong hợp đồng tín dụng trên số nợ gốc tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Sau khi ông Trần Quốc K, bà Ngô Thị N thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng TMCP S có nghĩa vụ hoàn trả lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã thế chấp theo Hợp đồng thế chấp tài sản 10201303.2.2, ngày 21/5/2019 cho ông K, bà N.

Nếu ông Trần Quốc K, bà Ngô Thị N không thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng TMCP S có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án xử lý tài sản thế chấp để thu hồi toàn bộ số nợ vay, tài sản thế chấp gồm có: Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và các tài sản gắn liền với đất có diện tích 1.300m² đất trồng lúa thuộc Thửa số 373, tờ bản đồ số 5-1, đất tọa lạc tại ấp A, xã Đ, huyện G, tỉnh Kiên Giang theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BR 162647 số vào sổ CH00696 được UBND huyện G cấp ngày 27/8/2014 do ông Trần Quốc K đứng tên và Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và các tài sản gắn liền với đất có diện tích 4.120m² đất trồng lúa thuộc Thửa số 101A, tờ bản đồ số 5-1, đất tọa lạc tại ấp A, xã Đ, huyện G, tỉnh Kiên Giang theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BR 162748 số vào sổ CH00705 được UBND huyện G cấp ngày 03/9/2014 do ông Trần Quốc K đứng tên.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Trần Quốc K, bà Ngô Thị N phải chịu án phí dân sự có giá ngạch là 6.977.000đ (*Sáu triệu, chín trăm chín mươi bảy nghìn đồng*).

Ngân hàng TMCP S không phải nộp án phí và được nhận lại số tiền 2.995.000đ (*Hai triệu, chín trăm chín mươi lăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0000581, ngày 29/5/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang.

3. Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 18/6/2024).

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 9 Luật thi hành án dân sự và các Điều 7, 7a, 7b Luật Thi hành án dân sự sửa đổi bổ sung năm 2014, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện Gò Quao;
- Chi cục THADS huyện Gò Quao;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Kim Nhập